

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XNK THANH LỄ - CTCP

(ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT)

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
2. Báo cáo soát xét của Kiểm toán viên độc lập	5 – 6
3. Bảng Cân đối kế toán riêng ngày 30 tháng 6 năm 2018	7 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng 6 tháng đầu năm 2018	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng 6 tháng đầu năm 2018	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2018	13 - 54

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là “**Tổng Công ty**”) nguyên là Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên được cổ phần hóa theo Quyết định số **1165/QĐ-TTg** ngày 09 tháng 8 năm 2017 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty Mẹ - Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên.

Tổng Công ty hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ : **2.366.000.000.000 Đồng**

Vốn pháp định : **6.000.000.000 Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm có :

*** Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : (84-274) 382 9535 – 382 9608
- Fax : (84-274) 382 4112 – 382 9533
- Website : www.thalexim.vn
- E-mail : contact@thalexim.vn
- Mã số thuế : **3 7 0 0 1 4 6 4 5 8**

- * *Hệ thống các Đơn vị kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Tổng Công ty được trình bày tại Mục I của Thuyết minh Báo cáo tài chính.*

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của Tổng Công ty trong niên độ kế toán 2018

Niên độ kế toán này là niên độ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty theo hình thức Công ty Cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

- | | | | |
|----|-----|---------------------|----------------------------|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Thành viên |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Thành viên |
| 4. | Ông | Lê Văn Tám | Thành viên |
| 5. | Ông | Nguyễn Xuân Hoà | Thành viên |
| 6. | Ông | Lê Trọng Hiếu | Thành viên |
| 7. | Ông | Nguyễn Tiến Dũng | Thành viên |

Ban Kiểm soát

- | | | | |
|----|-----|---------------------|------------|
| 1. | Bà | Nguyễn Thị Khánh Hà | Trưởng ban |
| 2. | Bà | Nguyễn Thuý Hằng | Thành viên |
| 3. | Ông | Lê Tuấn Vũ | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

- | | | | |
|----|-----|---------------------|--|
| 1. | Ông | Đoàn Minh Quang | Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty |
| 2. | Bà | Phạm Thị Băng Trang | Phó Tổng Giám Đốc |
| 3. | Bà | Phạm Thị Kim Thành | Phó Tổng Giám Đốc |
| 4. | Ông | Huỳnh Xuân Phương | Phó Tổng Giám đốc |
| 5. | Ông | Trần Đình Giáp | Phó Tổng Giám đốc |
| 6. | Ông | Đặng Văn Đoàn | Phó Tổng Giám đốc |

Kế toán trưởng Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt – Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 54.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc – Đoàn Minh Quang

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Số: 96/2018/BCSX-NTVA.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRI VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC****TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, được lập ngày 16 tháng 8 năm 2018, từ trang 07 đến trang 54, bao gồm Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; đồng thời chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt -
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh**



Giám đốc - Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số : 0486-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2018	Ngày 01/01/2018
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.011.894.960.545	7.039.350.807.872
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	2.026.462.824.885	2.700.420.746.291
111	1. Tiền		1.606.462.824.885	2.239.420.746.291
112	2. Các khoản tương đương tiền		420.000.000.000	461.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		764.000.000.000	410.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	764.000.000.000	410.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.738.059.525.188	1.808.538.519.705
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	2.374.596.095.600	1.106.283.992.052
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	751.807.995.850	152.366.268.234
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	419.000.000.000	419.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	199.574.684.890	130.888.259.419
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(6.919.251.152)	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	1.413.000.222.023	2.028.723.580.217
141	1. Hàng tồn kho		1.413.000.222.023	2.028.723.580.217
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		70.372.388.449	91.667.961.659
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	1.761.426.804	2.092.047.287
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	-	54.895.996.030
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	68.610.961.645	34.679.918.342
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.540.851.608.061	2.590.724.476.104
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		120.974.451.170	155.820.000.170
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	V.12	86.359.076.430	121.204.625.430
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn	V.13	14.135.374.740	14.135.374.740
216	3. Phải thu dài hạn khác	V.14	20.480.000.000	20.480.000.000
220	II. Tài sản cố định		819.746.056.676	868.369.642.793
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.15	564.732.293.066	609.707.250.569
222	- Nguyên giá		1.100.908.191.501	1.112.991.115.624
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(536.175.898.435)	(503.283.865.055)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.16	255.013.763.610	258.662.392.224
228	- Nguyên giá		319.306.199.627	319.306.199.627
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.292.436.017)	(60.643.807.403)

TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2018	Ngày 01/01/2018
230	III. Bất động sản đầu tư	V.17	233.671.899.854	233.713.252.830
231	- Nguyên giá		254.819.798.109	253.191.065.509
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(21.147.898.255)	(19.477.812.679)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		905.413.797.176	833.051.630.446
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.18	28.433.779.296	7.487.800.193
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.19	876.980.017.880	825.563.830.253
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		430.980.308.392	464.068.476.322
251	1. Đầu tư vào công ty con	V.20	121.229.963.381	191.662.459.942
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.21	294.395.744.491	256.458.010.136
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.22	15.354.600.520	15.948.006.244
260	VI. Tài sản dài hạn khác		30.065.094.793	35.701.473.543
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.23	30.016.094.793	35.701.473.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.24	49.000.000	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.552.746.568.606	9.630.075.283.976

TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP

Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30/6/2018	Ngày 01/01/2018
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		8.121.624.231.260	7.264.075.283.976
310	I. Nợ ngắn hạn		7.503.871.439.502	6.643.490.096.327
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.25	1.835.576.579.851	1.164.491.586.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.26	15.040.290.923	13.710.577.873
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.27	155.212.022.096	138.155.084.893
314	4. Phải trả người lao động	V.28	12.883.783.719	12.266.364.118
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.29	52.358.343.315	9.504.463.060
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.30	2.041.869.801.493	1.731.880.666.727
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.31	3.233.945.818.592	3.390.364.639.212
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.32	14.790.903.454	23.648.162.727
323	9. Quỹ bình ổn giá	V.33	142.193.896.059	159.468.551.226
330	II. Nợ dài hạn		617.752.791.758	620.585.187.649
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.34	4.900.000.000	-
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.35	403.599.378.031	411.550.098.649
337	3. Phải trả dài hạn khác	V.36	76.818.913.727	76.600.589.000
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.37	132.434.500.000	132.434.500.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.431.122.337.346	2.366.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.38	2.431.122.337.346	2.366.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.38.1	2.366.000.000.000	2.366.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.38.2	65.122.337.346	-
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		65.122.337.346	-
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.552.746.568.606	9.630.075.283.976

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.39	6.814.075.334.144	3.708.508.413.849
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.39	6.814.075.334.144	3.708.508.413.849
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.40	6.520.737.577.240	3.556.853.215.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		293.337.756.904	151.655.198.710
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.41	37.140.552.532	23.577.892.739
22	7. Chi phí tài chính	VI.42	90.741.332.555	47.831.742.006
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		72.599.487.595	44.956.141.968
25	8. Chi phí bán hàng	VI.43	119.874.651.463	78.204.266.705
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.44	45.426.118.576	27.418.161.361
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		74.436.206.842	21.778.921.377
31	11. Thu nhập khác	VI.45	9.055.214.633	1.000.336.522
32	12. Chi phí khác	VI.46	8.036.386.935	300.566.584
40	13. Lợi nhuận khác		1.018.827.698	699.769.938
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		75.455.034.540	22.478.691.315
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.47	10.381.697.194	4.431.272.139
52	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.48	(49.000.000)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		65.122.337.346	18.047.419.176

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		7.037.215.134.992	4.793.661.619.300
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(5.920.802.204.044)	(3.661.931.105.281)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(40.804.789.265)	(31.219.684.743)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(77.493.075.300)	(52.852.681.368)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.000.000.000)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		778.051.225.187	605.941.279.350
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.989.078.170.337)	(1.298.675.986.492)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(228.911.878.767)	354.923.440.766
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(46.316.620.431)	(48.220.826.508)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.684.000.000.000)	(310.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.371.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		35.223.702.924	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.157.817.736	21.905.587.281
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(286.935.099.771)	(336.315.239.227)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		5.293.080.288.528	3.656.046.017.651
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(5.451.192.588.650)	(3.303.240.254.655)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(158.112.300.122)	352.805.762.996
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(673.959.278.660)	371.413.964.535
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	2.700.420.746.291	922.654.672.328
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.357.254	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	2.026.462.824.885	1.294.068.636.863

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Huyền Phương

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6 THÁNG ĐẦU NĂM 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2018 của Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (sau đây viết tắt là "Tổng Công ty").

Tổng Công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP vừa được Cổ phần hoá thành công từ Doanh nghiệp Nhà nước. Kỳ kế toán này là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh :

Hoạt động kinh doanh chủ yếu trong năm là Kinh doanh Xăng dầu; Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc, hội trường, kho bãi, nhà xưởng; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh công viên cây xanh, tổ chức các loại hình vui chơi giải trí; Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nhà hàng, khách sạn.

Tổ chức hệ thống hoạt động kinh doanh

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm Trụ sở chính; Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc; Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết sau đây:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

- ❖ **Các đơn vị, cơ sở kinh doanh phụ thuộc và trực thuộc được hợp cộng vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty bao gồm:**

Tên đơn vị kinh doanh	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh
1. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tại TP. HCM	Số 102, Nguyễn Du, Quận 1, TP.HCM	Văn phòng Giao dịch và Cho thuê văn phòng
2. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại TP Long Xuyên – An Giang	Số 493/43, Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.	Kinh doanh xăng dầu
3. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Bình Phước	Số 626, Quốc lộ 14, Phường Tân Phú, TX Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước.	Kinh doanh xăng dầu
4. Chi nhánh Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	Thôn 1B, Xã Thủy Phú, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế.	Kinh doanh xăng dầu
5. Chi nhánh Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP tại Tỉnh Đắk Lắk	Số 463 Nguyễn Văn Cừ, Phường Tân Lập, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Kinh doanh xăng dầu
6. Công viên Văn hóa Thanh Lễ	563-567 Đại lộ Bình Dương, Phường Hiệp Thành, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Công viên vui chơi – Dịch vụ ăn uống, cho thuê hội trường,..
7. Trung tâm Hội nghị Nhà hàng Khách sạn Gold Star	Số 37 Hùng Vương, Phường Phú Cường, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Dịch vụ Nhà hàng, Khách sạn
8. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ	Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	Kho chứa xăng dầu
9. Tổng kho Xăng dầu VK 102 – Thanh Lễ	Ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, TP.HCM	Kho chứa xăng dầu
10. Ban Quản lý KCN Bình Đường - Sóng Thần I	Số 09, Đường số 01, KCN Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	Duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp
11. Hệ thống 13 cửa hàng bán lẻ xăng dầu	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh xăng dầu
12. Nhà máy sản xuất Bê tông An Sơn	Tỉnh Bình Dương	Kinh doanh Vật liệu xây dựng



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

❖ Các Công ty con và Công ty liên doanh liên kết tại ngày 30/6/2018 bao gồm:

Công ty con và Công ty liên doanh liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
1. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Số 36/8 đường ĐT 743, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	56,84%
2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Tầng 2, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương	76,60%
3. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Tầng 2, Số 63 Đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	80,00%
4. Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị Bình Dương	Số 606 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	100%
5. Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Khu phố 2, Thị trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương	35,02%
6. Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Số 306, Đường ĐT 743, Khu phố Trung Thắng, Phường Bình Thắng, TX Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	25,00%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán này là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Bình quân gia quyền hàng tháng và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- a. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- b. Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- c. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
- Máy móc và thiết bị	03 – 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
- Tài sản cố định khác	05 – 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Tổng Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

TSCĐ vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất (QSDĐ) có thời hạn, QSDĐ lâu dài và Giấy phép xả nước thải được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế. QSDĐ là tiền thuê đất Tổng Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tổng Công ty chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ lâu dài thì không trích khấu hao.

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	10 – 50
- Giấy phép xả nước thải	10

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư (BĐSDT) là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá để bán. BĐSĐT được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi BĐSĐT được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với BĐSĐT nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Tổng Công ty được đánh giá giảm nguyên giá BĐSĐT và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán (tương tự như việc lập dự phòng đối với hàng hóa bất động sản).

BĐSDT được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các nhóm Bất động sản đầu tư như sau:

<u>Bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	45
- Nhà cửa vật kiến trúc	50

9. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn (các khoản tiền gửi có kỳ hạn).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong niên độ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận sau thuế phát sinh sau ngày đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Giám đốc công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

10. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều Kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

11. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

13. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...)

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắn chắn thời gian phải thanh toán số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

14. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền nhận trước của người mua nhưng liên quan đến nhiều kỳ kế toán và người bán đã giao hàng hoá (dịch vụ), tài sản cho người mua sử dụng.

(Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trong trường hợp: Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản hoạt động trong nhiều năm (TSCĐ. BĐSĐT); Tiền lãi nhận trước của khoản cho vay vốn; Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay; Kể cả khoản tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu, giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống là phần nghĩa vụ mà người bán sẽ phải thực hiện trong tương lai...)

Doanh thu chưa thực hiện được tính và kết chuyển dần vào doanh thu (bán hàng/cung cấp dịch vụ/ tài chính) của các kỳ kế toán sau

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông, được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Trích lập các quỹ

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tổng Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và phù hợp với các quy định hiện hành.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng của Tổng Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Tổng Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại trong tương lai phát sinh từ việc: Ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; Hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại hay thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế TNDN sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ kế toán được trình bày tại Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

ĐVT: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	2.324.610.500	24.835.437.000
- Tiền gửi ngân hàng [a]	1.604.138.214.385	2.214.585.309.291
- Các khoản tương đương tiền [b]	420.000.000.000	461.000.000.000
Cộng	2.026.462.824.885	2.700.420.746.291

[a] Trong đó Tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ cuối kỳ là USD 1,466.84.

[b] Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng TMCP.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn 764.000.000.000 410.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	1.024.562.318.643	170.132.785.901
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S	507.048.998.219	255.526.683.342
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	304.651.227.902	186.389.217.376
- Công ty CP Dầu khí Đông Phương	126.667.600.000	-
- Công ty TNHH Huy Hồng	65.472.168.083	16.466.742.083
- Công ty TNHH TM DV Hiệp Quế	52.585.126.400	-
- Công ty TNHH Xăng dầu Phú Lợi	46.205.095.200	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Phú Sang	34.464.928.150	19.546.688.950
- Công ty TNHH Thương Mại Hồ Bửu	27.748.055.600	27.867.710.000
- Công ty TNHH TMDV TH Hoà Khánh	20.462.535.377	20.882.888.966
- Công ty TNHH MTV Kho vận Xăng dầu Tây Nam	16.985.500.000	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Huy Hoàng	13.023.280.000	8.421.065.000
- Công ty CP Xăng dầu Sài Gòn	11.090.324.000	-
- Công ty TNHH Vận Tải TB Bình Dương (*)	9.642.129.610	4.757.991.297
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu TM và DV Minh Phát	8.448.016.899	8.820.395.599
- DNTN Trạm Xăng dầu Hiệp Phát	6.783.829.800	4.109.775.700
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Hòa Bình	5.664.900.000	1.096.800.000
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Phúc Thịnh	103.200.000	16.856.914.500
- Công ty CP CK NH Công Thương VN - CN TP.HCM	-	264.000.000.000
- Công ty CP Công nghiệp Đông Hưng	-	29.613.912.725
- Công ty CP NICOTEX Nam Thái Dương	-	19.856.827.041
- Các khoản phải thu khách hàng khác	92.986.861.717	51.937.593.572
Cộng	2.374.596.095.600	1.106.283.992.052

(*) Khoản phải thu các bên liên quan

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Hải Linh (*)	364.380.164.906	1.606.822.269
- Nguyễn Thành Nhân	213.310.000.000	-
- Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân	60.225.660.000	-
- Nguyễn Thanh Sơn	24.698.400.000	24.698.400.000
- Đỗ Thị Thu	19.283.183.250	19.283.183.250
- Công ty Cổ phần TM Tổng Hợp Thuận An	10.000.000.000	10.000.000.000
- Trần Hiếu	7.077.342.000	7.077.342.000
- Nguyễn Văn Thanh	7.009.100.000	7.009.100.000
- Công ty TNHH TMDV Lữ Hành Hòa Bình Quốc Tế	5.196.800.000	-
- Công ty Cổ phần Miền Đông Nam Bộ	5.148.000.000	5.148.000.000
- Công ty TNHH Phát triển KHCN Tiên Tiến	4.780.645.765	4.780.645.765
- Trung tâm Phát triển Quỹ Đất Huyện Phú Giáo	4.313.547.000	4.313.547.000
- Công ty TNHH Toàn Lực	-	19.321.300.000
- Công ty Cổ phần Việt Hùng	-	31.020.928.000
- Các khoản trả trước ngắn hạn khác	26.385.152.929	18.106.999.950
Cộng	751.807.995.850	152.366.268.234

(*) Khoản trả trước cho các bên liên quan

5. Phải thu cho vay ngắn hạn 419.000.000.000 419.000.000.000

Khoản tiền cho Công ty TNHH Sản xuất vật liệu xây dựng Hưng Thịnh vay theo hợp đồng số 01/HĐVV/TL-HT ngày 04/12/2017. Thời hạn cho vay là 6 tháng. Lãi suất cho vay là 0,50%/tháng.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu về cổ phần hóa	2.423.435.132	2.423.435.132
- Phải thu hao hụt xăng dầu	1.033.491.656	1.651.597.257
- Tạm ứng	167.836.583.542	85.669.197.145
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - CN Hồ Chí Minh	18.056.177.777	19.899.927.777
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương (*)	9.172.427.607	9.172.427.607
- Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Bình Dương	-	3.592.974.493
- Công ty TNHH Vận tải TB Bình Dương (*)	-	2.730.987.953
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương (*)	-	2.352.429.659
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bình Dương	-	886.111.111
- Công ty CP SXKD Thanh Lễ (*)	-	345.285.000
- Công ty CP Vật liệu và XD Bình Dương (*)	37.887.121	37.887.121
- Phải thu khác	1.014.682.055	2.125.999.164
Cộng	199.574.684.890	130.888.259.419

(*) Các khoản phải thu các bên có liên quan về tiền bán cổ phần, phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia.

7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Nợ gốc	Dự phòng	Nợ gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông 68	124.800.000	124.800.000	124.800.000	-
- DNTN Dịch vụ TM Hải Long	1.446.839.586	1.446.839.586	1.446.839.586	-
- Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Tư vấn XNK Kim Phát	1.226.440.000	1.226.440.000	1.226.440.000	-
- CN Công ty TNHH TM Hùng Trường - Trạm XD Lam Hiền	266.762.600	186.733.820	266.762.600	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Minh Nguyệt	2.897.012.000	2.897.012.000	2.897.012.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Như Ý	155.501.800	155.501.800	155.501.800	-
- DNTN Trạm Xăng Dầu Thanh An Phát	161.397.200	112.978.040	161.397.200	-
- CN - Công ty TNHH Thanh Lễ (Trạm XD Thanh Lễ)	768.945.906	768.945.906	768.945.906	-
Cộng	7.047.699.092	6.919.251.152	7.047.699.092	-

-003-
TNHH
DẤU
1 VIỆC
NH
PHỔ
INH
CHỈ

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Hàng mua đang đi đường	-	42.052.520.000
- Nguyên liệu, vật liệu	239.229.758.794	6.790.779.757
- Công cụ, dụng cụ	18.400.000	218.539.092
- Thành phẩm xăng dầu	12.745.162.396	-
- Thành phẩm Bất động sản	588.896.371.953	590.525.104.553
- Hàng hóa (xăng, dầu nhớt...)	527.402.804.626	1.344.180.407.872
- Hàng hóa Bất động sản	44.399.804.173	44.399.804.173
- Hàng gửi bán	307.920.081	556.424.770
Cộng	1.413.000.222.023	2.028.723.580.217

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công cụ dụng cụ	1.104.999.342	938.009.258	1.286.061.327	756.947.273
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	987.047.945	996.868.528	979.436.942	1.004.479.531
Cộng	2.092.047.287	1.934.877.786	2.265.498.269	1.761.426.804

10. Thuế GTGT được khấu trừ

- 54.895.996.030

Khoản thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ mua vào đã khấu trừ hết trong kỳ.

11. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	1.793.871.103	1.554.010.635
- Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	-	499.733.058
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	1.630.793.721	947.804.841
- Thuế Xuất, nhập khẩu	65.186.296.821	31.678.369.808
Cộng	68.610.961.645	34.679.918.342

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

12. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Lê Hoài Nam	5.050.000.000	5.050.000.000
- Trần Thị Kim Phương	5.000.000.000	5.000.000.000
- Bùi Thị Diệu Hằng	4.000.000.000	4.000.000.000
- Ngô Thị Hồng Thoa	4.000.000.000	4.000.000.000
- Lê Thị Thủy	3.500.000.000	3.500.000.000
- Đồng Minh Tính	3.500.000.000	3.500.000.000
- Phạm Mai Thanh Thảo	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phạm Thị Kim Thành	2.250.000.000	2.650.000.000
- Nguyễn Phi Công	2.051.084.000	2.551.084.000
- Dương Triều Đại	2.000.000.000	5.000.000.000
- Lê Minh Tùng	2.000.000.000	5.000.000.000
- Phạm Mai Thùy Trang	2.000.000.000	4.500.000.000
- Công ty CP Xăng dầu và dịch vụ Hàng hải S.T.S	2.000.000.000	2.000.000.000
- Lương Thanh Phúc	1.961.355.000	1.961.355.000
- Trương Thị Xuyên	1.190.986.000	1.190.986.000
- Nguyễn Thị Ngọc Thủy	1.000.000.000	3.000.000.000
- Nguyễn Văn Dũng	1.000.000.000	2.800.000.000
- Bùi Văn Quyết	556.945.000	1.041.945.000
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn khác	40.798.706.430	61.959.255.430
Cộng	86.359.076.430	121.204.625.430
13. Trả trước cho người bán dài hạn	14.135.374.740	14.135.374.740

Khoản trả trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Tỉnh Bình Phước.

14. Phải thu dài hạn khác

- Đặt cọc thuê mặt bằng làm trạm xăng dầu	480.000.000	480.000.000
- Đặt cọc để thực hiện dự án kho xăng dầu Cục Hậu cần Quân khu 7	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	20.480.000.000	20.480.000.000

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ - CTPC

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2018

15. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TS	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Số đầu năm		882.185.348.191	98.839.925.897	125.243.765.246	5.743.228.290	978.848.000	1.112.991.115.624
- Mua trong kỳ		107.280.000	1.254.312.727	3.646.872.725			5.008.465.452
- Thanh lý, nhượng bán			50.000.000	17.041.389.575			17.091.389.575
- Số cuối kỳ		882.292.628.191	100.044.238.624	111.849.248.396	5.743.228.290	978.848.000	1.100.908.191.501
Giá trị hao mòn							
- Số đầu năm		397.481.597.733	42.725.932.701	59.238.215.278	3.145.982.943	692.136.400	503.283.865.055
- Khấu hao trong kỳ		31.956.226.686	5.722.981.389	5.200.355.202	312.439.529	51.244.752	43.243.247.558
- Thanh lý, nhượng bán			6.249.996	10.193.902.464			10.200.152.460
- Giảm khác		141.136.156	2.971.086	1.599.984	5.354.492		151.061.718
- Số cuối kỳ		429.296.688.263	48.439.693.008	54.243.068.032	3.453.067.980	743.381.152	536.175.898.435
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm		484.703.750.458	56.113.993.196	66.005.549.968	2.597.245.347	286.711.600	609.707.250.569
- Tại ngày cuối kỳ		452.995.939.928	51.604.545.616	57.606.180.364	2.290.160.310	235.466.848	564.732.293.066
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày đầu năm		182.201.894	102.271.440	-	202.500.000	-	486.973.334
- Tại ngày cuối kỳ		751.298.094	640.344.897	150.000.000	821.285.000	-	2.362.927.991

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

16. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất lâu dài (a)	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Giấy phép xả nước thải (b)	Tổng cộng
Chi tiêu				
Nguyên giá				
- Số đầu năm	4.832.818.182	314.155.199.626	318.181.819	319.306.199.627
- Tăng trong kỳ				-
- Số cuối kỳ	4.832.818.182	314.155.199.626	318.181.819	319.306.199.627
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm	-	60.540.398.318	103.409.085	60.643.807.403
- Khấu hao trong kỳ		3.632.720.316	15.908.298	3.648.628.614
- Giảm trong kỳ				-
- Số cuối kỳ	-	64.173.118.634	119.317.383	64.292.436.017
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm	4.832.818.182	253.614.801.308	214.772.734	258.662.392.224
- Tại ngày cuối kỳ	4.832.818.182	249.982.080.992	198.864.436	255.013.763.610

(a) Quyền sử dụng đất lâu dài tại Cửa hàng xăng dầu số 7.

(b) Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1402/GP-BTNMT ngày 14 tháng 07 năm 2014 Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cho phép Khu công nghiệp Sóng Thần 1 xả nước thải sau khi xử lý đạt Quy chuẩn xả ra kênh Ba Bò, chảy vào rạch Vĩnh Bình, sau đó đổ ra sông Sài Gòn. Thời hạn của giấy phép là 10 năm.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

17. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Nhóm BĐSĐT	Quyền sử dụng đất lâu dài [a]	Quyền sử dụng đất có thời hạn [b]	Nhà cửa, vật kiến trúc [a]	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số đầu năm		123.860.000.000	78.743.170.612	50.587.894.897	253.191.065.509
- Tăng khác			-	1.628.732.600	1.628.732.600
- Số cuối kỳ		123.860.000.000	78.743.170.612	52.216.627.497	254.819.798.109
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm		-	13.369.144.640	6.108.668.039	19.477.812.679
- Khấu hao trong kỳ		-	874.926.198	795.159.378	1.670.085.576
- Số cuối kỳ		-	14.244.070.838	6.903.827.417	21.147.898.255
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm		123.860.000.000	65.374.025.972	44.479.226.858	233.713.252.830
- Tại ngày cuối kỳ		123.860.000.000	64.499.099.774	45.312.800.080	233.671.899.854

[a] Quyền sử dụng đất lâu dài và Tòa nhà cao ốc văn phòng cho thuê tại số 102A Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và Quyền sử dụng đất ở được Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 02 năm 1997.

[b] Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 025/NTC-THALEXIM ngày 18 tháng 6 năm 2007 và Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất số PL001/NTC-THALEXIM ngày 06 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty CP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên.

- Diện tích đất thuê tại ngày 31/12/2017 142.545,4 m²
- Thời hạn sử dụng đất 45 năm (đến ngày 24/10/2054)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

18. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án bất động sản:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khu Dân Cư và Kho cảng An Sơn	16.263.882.556	-
- Khu Nhà Thương mại An Bình	8.130.900.146	6.632.807.745
- Khu Biệt thự vườn Chánh Mỹ	3.184.004.146	-
- Khu Nhà Thương mại Phú Thọ	854.992.448	854.992.448
Cộng	28.433.779.296	7.487.800.193

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang các công trình, dự án sau:

Công trình	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dự án Khu kho cảng An Sơn	466.200.605.695	466.200.605.695
- Dự án Kho xăng dầu VK102	134.563.716.173	127.698.287.520
- Dự án Công viên mở rộng	114.605.921.979	107.709.622.860
- Công trình Mở Đá	82.925.012.112	58.966.545.014
- Chuyển nhượng QSSĐ P. Bình Thắng, Dĩ An	18.503.820.000	18.503.820.000
- Chuyển nhượng đất khu Chánh Mỹ	17.808.113.439	17.808.113.439
- Khu Công nghiệp Bình Đường	1.070.934.525	945.540.525
- Khu xử lý chất thải rắn Tân Mỹ	899.802.310	885.436.818
- Công trình phụ khác	40.402.091.647	26.845.858.382
Cộng	876.980.017.880	825.563.830.253

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

20. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào các Công ty con như sau:

Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	-	70.432.496.561
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	45.302.676.635
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	24.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	8.188.380.782
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	43.738.905.964
Cộng	121.229.963.381	191.662.459.942

Khoản đầu tư và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại các Công ty con tại ngày 30/6/2018 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Vốn điều lệ của Công ty con	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương	45.302.676.635	50.020.539.787	76,60%
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	24.000.000.000	30.000.000.000	80,00%
- Công ty Cổ phần SX Kinh doanh Thanh Lễ	8.188.380.782	13.500.000.000	56,84%
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	43.738.905.964	26.000.000.000	100,00%
Cộng	121.229.963.381		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

21. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Vào ngày 05/01/2018, Tổng Công ty đã bán ra ngoài 3.206.509 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương (UPCoM: AFC). Sau khi thoái vốn, Tổng Công ty nắm giữ 3.743.327 Cổ phiếu, chiếm 35,02% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương.

Do vậy từ thời điểm trên Công ty Cổ phần Nông Lâm Nghiệp Bình Dương trở thành Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết tại ngày 30/6/2018 như sau:

Công ty	Giá trị đầu tư của Tổng Công ty	Số cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	256.458.010.136	25.000.000	25,00%
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	37.937.734.355	3.743.327	35,02%
Cộng	294.395.744.491		
22. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	15.354.600.520	15.948.006.244	

Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đăng Kiểm Xe Cơ Giới 61-05D.

23. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
- Công cụ dụng cụ	4.415.722.934	559.832.571	1.098.226.245	3.877.329.260
- Phí giữ hộ xăng dầu từ năm 2012 đến năm 2018 [a]	2.750.000.001		1.375.000.002	1.374.999.999
- Tiền thuê đất Cửa hàng xăng dầu 24 (2.089,1 m2) [b]	3.685.820.737		134.029.845	3.551.790.892
- Chi phí sửa chữa, cải tạo	3.909.087.573	1.019.520.150	1.167.334.995	3.761.272.728
- Lợi thế thương mại [c]	20.940.842.298		3.490.140.384	17.450.701.914
Cộng	35.701.473.543	1.579.352.721	7.264.731.471	30.016.094.793

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

- [a] Chi phí trả trước phí giữ hộ xăng dầu phải trả cho Kho xăng dầu VK 102, Cục Hải Cản, Quân Khu 7 tại ấp 6, Xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Điều 3 Hợp đồng tiếp nhận, giữ hộ và bơm rót xăng dầu số VK102.CHC.QK7-Thanh Lễ ngày 09 tháng 07 năm 2012 phí giữ hộ xăng dầu một năm là 2.000.000.000 đồng/năm (chưa gồm 10% thuế VAT) trong suốt thời gian 07 năm (từ năm 2012 đến hết năm 2018).
- [b] Chi phí trả trước tiền thuê khu đất xây dựng trạm kinh doanh xăng dầu số 24. Theo hợp đồng nguyên tắc ngày 24 tháng 08 năm 2011 Tổng Công ty thuê lại thửa đất số 422, tờ bản đồ số 4AB.7 tại Phường An Bình, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Công đoàn Bình Dương trong thời hạn 20 năm, kể từ ngày bàn giao đất. Đơn giá thuê 20.000.000 đồng/tháng, tiền thuê đất cho 20 năm là 4.800.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%).
- [c] **Giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận theo** Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 30/5/2017 của UBND Tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá Tổng Công ty. Tổng Công ty phân bổ lợi thế thương mại trong thời gian 3 năm.

24. Tài sản thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại 49.000.000 -

Khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại là khoản tiền phải nộp 1% trên số tiền ứng trước theo tiến độ để mua bất động sản.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

25. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Soleum Energy PTE LTD	855.178.082.044	380.774.189.222
- HL Energy Trading PTE LTD	668.823.411.156	-
- Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	291.294.097.687	641.521.672.944
- Công ty TNHH Vận tải Thủy bộ Bình Dương (*)	8.239.941.116	14.626.764.854
- Công ty Cổ phần Vertical Synergy Việt Nam	3.328.240.640	-
- Công ty TNHH Xăng Dầu Bình Dương (*)	2.412.311.280	-
- Công ty TNHH Toàn Lực	1.807.528.435	-
- Công ty Cổ phần Việt Hùng	897.242.658	-
- Công ty TNHH TM Dịch vụ Thái Sơn Thụ	888.845.834	-
- Công ty TNHH Cơ khí Đặng Vũ	788.000.000	1.575.500.000
- Daemyung Crusher Co., LTD	505.550.100	2.258.490.353
- Công ty TNHH MTV Thiết bị Công nghệ và Tự Động Hóa Nam Sang	219.092.280	219.092.280
- Công ty TNHH Địa Ốc Ngôi Nhà Thân Yêu	-	3.912.449.184
- Petrolimex Singapore PTE LTD	-	115.336.428.781
- Các nhà cung cấp khác	1.194.236.621	4.266.998.873
Cộng	1.835.576.579.851	1.164.491.586.491

(*) Khoản phải trả cho các bên liên quan

26. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Bà Cheng Hsiu Min	11.441.925.000	11.441.925.000
- Công ty TNHH MTV Xăng dầu Phương Anh	608.108.642	-
- Công ty CP TM Tổng hợp Thuận An	431.113.000	220.000
- Công ty TNHH Nhật Đông	266.540.600	266.540.600
- Công ty CP Vật liệu và XD Bình Dương (*)	48.114.000	-
- DNTN Trạm Kinh Doanh Xăng Dầu Phú An	-	311.516.900
- DNTN Tân Phong	-	235.200.000
- Công ty TNHH Thương Mại Thành Phát	-	224.153.600
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.244.489.681	1.231.021.773
Cộng	15.040.290.923	13.710.577.873

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế Giá trị gia tăng	(499.733.058)	119.540.824.873	87.236.004.914	31.805.086.901
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(1.554.010.635)	234.685.511.108	234.925.371.576	(1.793.871.103)
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	(947.804.841)	59.142.628.713	59.825.617.593	(1.630.793.721)
- Thuế Xuất, Nhập khẩu	(31.678.369.808)	106.538.616.604	140.046.543.617	(65.186.296.821)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.154.088.831	10.381.697.194	16.000.000.000	4.535.786.025
- Thuế Thu nhập cá nhân	835.965.704	351.629.154	1.117.767.323	69.827.535
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	12.478.313.482	12.478.313.482	-
- Thuế Bảo vệ môi trường	93.107.971.170	622.711.333.320	597.017.982.855	118.801.321.635
- Phí, lệ phí	-	397.117.400	397.117.400	-
- Lợi nhuận nộp ngân sách	34.057.059.188	-	34.057.059.188	-
Cộng	103.475.166.551	1.166.227.671.848	1.183.101.777.948	86.601.060.451

Trong đó:

- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	138.155.084.893	155.212.022.096
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.11)	(34.679.918.342)	(68.610.961.645)

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng

- * Không chịu thuế : Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất
- * 5% : Nước sinh hoạt
- * 10% : Xăng, dầu, nhớt các loại; cho thuê văn phòng, nhà xưởng...

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp: 20%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 10% áp dụng cho mặt hàng Xăng nhập khẩu và 8% áp dụng cho mặt hàng Xăng E5 Ron 92.

Thuế Xuất, Nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Hải quan.

Công ty được hưởng ưu đãi thuế Nhập khẩu xăng dầu theo các Thông tư sau:

- Thông tư 165/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014: quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2015-2018.
- Thông tư số 201/2015/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2015 quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2015-2018.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

28. Phải trả người lao động

12.883.783.719

12.266.364.118

Tiền lương và các khoản mang tính chất lương còn phải trả cho người lao động.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

29. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí lãi vay	3.066.896.526	3.873.058.387
- Phí môi giới	413.364.184	413.364.184
- Tiền thuê đất phải trả	5.264.912.396	-
- Giá vốn trích trước pha chế xăng E5	37.117.170.209	-
- Chi phí thi công	-	4.983.828.951
- Chi phí ăn ca	-	233.711.538
- Chi phí khác	6.496.000.000	500.000
Cộng	52.358.343.315	9.504.463.060

30. Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí công đoàn	710.336.153	725.764.502
- Bảo hiểm xã hội	3.731.032.758	-
- Bảo hiểm y tế	658.417.548	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	292.630.020	-
- Phải trả về cổ phần hoá	1.678.262.347.125	1.678.262.347.125
- Phí bảo trì Cao ốc Bình Dương	1.377.880.800	1.377.880.800
- Khoản phải trả liên quan Khu TMDV DC Định Hòa	51.502.974.300	51.502.974.300
- Công ty TNHH Hải Linh	270.027.984.880	-
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất TX. Thuận An	2.132.596.072	-
- Thuế TNCN phải trả CNV	975.880.000	-
- Các khoản phải trả khác	32.197.721.837	11.700.000
Cộng	2.041.869.801.493	1.731.880.666.727

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2018

31.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn					
		Số đầu năm	Vay trong kỳ	Trả nợ vay trong kỳ	Phân loại khoản vay/ Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
32.1	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bình Dương	773.936.531.183	1.635.992.196.579	1.275.243.910.260	-	1.134.684.817.502
32.2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- CN Bình Dương	1.287.003.203.968	1.548.055.242.924	2.050.704.415.066	1.531.971.300	785.886.003.126
32.3	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	485.610.388.505	512.280.165.024	997.890.553.529	-	-
32.4	Malayan Banking Berhad	199.858.579.497	433.537.203.656	418.973.154.478	570.425.709	214.993.054.384
32.5	Ngân hàng TMCP Quân đội	-	293.686.372.107	-	-	293.686.372.107
32.6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	528.171.936.059	869.529.108.238	650.897.472.824	-	746.803.571.473
32.7	Vay dài hạn đến hạn trả	115.784.000.000	-	57.892.000.000	-	57.892.000.000
	Cộng	3.390.364.639.212	5.293.080.288.528	5.451.601.506.157	2.102.397.009	3.233.945.818.592

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

32.1 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- Chi Nhánh Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng số 066K16 Kèm theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 079B16 ngày 20/10/2016, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cấp tín dụng số 066K16 ngày 20/10/2017, Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 006B18 kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 006K18 ngày 9 tháng 02 năm 2018). Các điều khoản cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.200.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Tối đa 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.2 Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 18.005/2018-HĐTDHM/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 12/01/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 1.500.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30/06/2018
- Thời hạn vay : Theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 4 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.3 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng số 1800-LAV-2016- 00767 ngày 14/06/2016, cụ thể:

- Hạn mức vay : 700.000.000.000 Đồng
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức là đến ngày 14/6/2019
- Thời hạn vay : 03 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

32.4 Vay ngắn hạn của Ngân hàng Malayan Banking Berhad (MayBank) theo hợp đồng số HCMC-HN/LO/THALEXIM/2018/01 ngày 06/02/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 10.000.000 USD
- Mục đích vay :
 - L/C: Nhập khẩu và mua các nguyên vật liệu thô/hàng hoá/thành phẩm liên quan đến hoạt động kinh doanh
 - FEC: Dự phòng biến động ngoại tệ
- Lãi suất :
 - Thư tín dụng (L/C): Lãi suất cho vay cơ bản + biên độ 1,25%/năm
 - Hợp đồng mua bán ngoại hối (FEC): Theo quy định của NHNN Việt Nam
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.5 Vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sài Gòn theo Hợp đồng số 8407.18.110.969666.TD ngày 26/03/2018, cụ thể:

- Hạn mức vay : 20,000,000.00 USD hoặc VND tương đương
- Thời hạn cấp hạn mức : Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 15/10/2018
- Thời hạn vay : 04 tháng kể từ ngày rút vốn được ghi trên Giấy nhận nợ
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xăng dầu giai đoạn 2017-2018
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.6 Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/83406/HĐTD ngày 22/06/2017, cụ thể:

- Hạn mức vay : 800.000.000.000 Đồng
- Thời hạn vay : Theo từng hợp đồng vay
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Cho vay không có đảm bảo bằng tài sản

32.7 Vay dài hạn đến hạn trả

Khoản vay đến hạn trả Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Xem Thuyết minh V.38)

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

32. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng khác	Chi trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ khen thưởng	17.537.164.749	-	5.073.550.000	12.463.614.749
- Quỹ phúc lợi	5.755.192.730	2.000.000	3.785.709.273	1.971.483.457
- Quỹ khen thưởng Ban Điều hành	355.805.248	-	-	355.805.248
Cộng	23.648.162.727	2.000.000	8.859.259.273	14.790.903.454

33. Quỹ bình ổn giá

Tình hình tăng, giảm Quỹ bình ổn giá xăng dầu trong kỳ như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Trích trong kỳ	Sử dụng trong kỳ	Số cuối kỳ
- Quỹ bình ổn giá	156.501.244.770	118.433.655.900	136.504.800.172	138.430.100.498
- Lãi quỹ bình ổn giá	2.967.306.456	796.489.105	-	3.763.795.561
Cộng	159.468.551.226	119.230.145.005	136.504.800.172	142.193.896.059

34. Người mua trả tiền trước dài hạn

Khoản ứng trước chuyển nhượng Bất động sản, chi tiết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Dương Yến Nhi	900.000.000	-
- Huỳnh Song Ngọc Trinh	3.000.000.000	-
- Lê Minh Lý	1.000.000.000	-
Cộng	4.900.000.000	-



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

35. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số tiền thuê dài hạn nhận trước đối với hoạt động cho thuê hạ tầng Khu công nghiệp, cho thuê văn phòng:

	Kỳ này
- Số đầu năm	411.550.098.649
- Tăng trong kỳ	-
- Doanh thu đã thực hiện trong kỳ	(7.950.720.618)
- Số cuối kỳ	403.599.378.031

36. Phải trả dài hạn khác

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.818.913.727	26.600.589.000
- Công ty CP Giang Nam Logistics (*)	50.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	76.818.913.727	76.600.589.000

(*) Khoản tiền nhận hợp tác đầu với Công ty Cổ phần Giang Nam Logistics theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐ-GNL-2015 ngày 23/5/2015.

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

37. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương theo các Hợp đồng sau:

37.1 Hợp đồng vay số 14490121/2014/HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 23 tháng 12 năm 2014, cụ thể:

- Hạn mức vay : **300.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Dùng để thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện dự án đầu tư kho cảng thủy nội địa An Sơn (bao gồm cả cho vay để bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng Giấy nhận nợ
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn gồm: công trình bến, kè, kho, bãi, cầu cảng, công trình kỹ thuật, giao thông, cây xanh, công trình hành chính - dịch vụ - phụ trợ,... thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 14.49.0123/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014. Tại thời điểm ký kết hợp đồng này, các bên thống nhất tạm định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 432.575.000.000 Đồng

Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích đối với các tài sản dưới đây:

- + Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án Khu kho cảng thủy nội địa An Sơn
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên, bao gồm cả quyền nhận tiền bảo hiểm
- + Tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác liên quan đến các tài sản nêu trên

Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp động sản số 14.49.0127/TC ngày 23 tháng 12 năm 2014, các bên thống nhất định giá giá trị của Tài sản thế chấp là 60.000.000.000 Đồng

- Số dư 30/06/2018 : **73.875.000.000 Đồng**

Trong đó

- Vay dài hạn : **49.250.000.000 Đồng**
- Nợ đến hạn trả : **24.625.000.000 Đồng**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

37.2 Hợp đồng vay số 15.49.0012/2015-HĐTDDA/NHCT640-TCT THANH LỄ ngày 16 tháng 3 năm 2015, cụ thể:

- Hạn mức vay : **224.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Thời gian ân hạn : 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Cho vay thanh toán các chi phí hợp lệ để thực hiện Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK102-Nhà Bè giai đoạn 1 (bao gồm cả cho vay bù đắp đối với các chi phí đã phát sinh trên 24 tháng) nhưng không bao gồm chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng và thuế Giá trị gia tăng đầu vào của dự án
- Lãi suất : Xác định theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,5%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất nợ trong hạn
- Tài sản đảm bảo : Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè gồm: hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, bãi đậu xe, hệ thống tường kè và hệ thống tuyến ống công nghệ), cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà kho (nhà kho, nhà điều hành cấp phát, hệ thống bảo vệ, hệ thống ngăn đê chống tràn dầu, trạm xử lý nước nhiễm dầu, hệ thống trang thiết bị phục vụ xuất nhập tồn trữ xăng dầu), hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, điện, cống, hàng rào, thuộc Dự án đầu tư mở rộng kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè theo Quyết định số 2212/QĐ-BTL ngày 12/12/2013 của Bộ tư lệnh Quân khu 7. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 15.49.0032/TC ngày 16/3/2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 96.443.000.000 VND

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư mở rộng Kho xăng dầu VK 102 - Nhà Bè giai đoạn 1 (hệ thống bồn chứa, đường ống công nghệ, máy móc thiết bị các loại,...). Các quyền, lợi ích của Bên B phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với một hoặc tất cả các tài sản nêu trên. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.49.0033/TC ngày 16 tháng 03 năm 2015 các bên thống nhất tạm định giá giá trị của tài sản thế chấp là 185.135.000.000 VND

- Số dư 30/06/2018 : **116.451.500.000 Đồng**

Trong đó

- Vay dài hạn : **83.184.500.000 Đồng**
- Nợ đến hạn trả : **33.267.000.000 Đồng**

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

38. Vốn chủ sở hữu

	Năm nay	Số đầu năm	Phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
38.1	Vốn góp của chủ sở hữu	2.366.000.000.000	-	2.366.000.000.000
38.2	LNST chưa phân phối	-	65.122.337.346	65.122.337.346
	Cộng	2.366.000.000.000	65.122.337.346	2.431.122.337.346

38.1 Vốn góp của chủ sở hữu

- Mệnh giá cổ phiếu 10.000 Đồng
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành 236.600.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán 236.600.000 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại - Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành 236.600.000 Cổ phiếu

Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cổ phiếu	Vốn góp	Tỷ lệ
- Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương	116.134.800	1.161.348.000.000	49,08%
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Thiết bị Hướng Dương	37.856.000	378.560.000.000	16,00%
- Công ty TNHH Hải Linh	35.490.000	354.900.000.000	15,00%
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	34.422.600	344.226.000.000	14,55%
- Phạm Kim Oanh	4.732.000	47.320.000.000	2,00%
- Nguyễn Trọng Vinh	2.575.410	25.754.100.000	1,09%
- Nguyễn Thanh Toàn	686.775	6.867.750.000	0,29%
- Nguyễn Văn Trí	600.000	6.000.000.000	0,25%
- Hoàng Thị Cúc	600.000	6.000.000.000	0,25%
- Phạm Minh Phương	400.000	4.000.000.000	0,17%
- Lê Thị Kim Châu	350.000	3.500.000.000	0,15%
- 369 cổ đông khác	2.752.415	27.524.150.000	1,17%
Cộng	236.600.000	2.366.000.000.000	100,00%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

ĐVT: VND

	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
39. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hóa	6.339.716.697.877	3.644.889.703.815
- Doanh thu bán các thành phẩm	400.492.629.551	426.995.447
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.838.698.350	34.000.555.416
- Doanh thu kinh doanh BĐS	33.027.308.366	29.191.159.171
Cộng	6.814.075.334.144	3.708.508.413.849
40. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.081.421.110.151	3.539.546.711.988
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	399.369.432.044	779.364.794
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.427.547.488	12.265.393.529
- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	23.519.487.557	4.261.744.828
Cộng	6.520.737.577.240	3.556.853.215.139
41. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.046.061.966	18.688.744.518
- Lãi bán các chứng khoán kinh doanh	2.135.534.994	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.546.548.570	322.330.619
- Lãi chênh lệch tỷ giá	412.407.002	4.566.817.602
Cộng	37.140.552.532	23.577.892.739
42. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	72.599.487.595	44.956.141.968
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	18.051.844.960	-
- Chi phí tài chính khác	90.000.000	2.875.600.038
Cộng	90.741.332.555	47.831.742.006

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

43. Chi phí bán hàng

- Chi phí nhân viên bán hàng	39.655.346.117	24.134.570.540
- Chi phí vật liệu, bao bì	1.178.435.356	1.227.633.348
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.506.988.552	1.936.881.822
- Chi phí khấu hao TSCĐ	15.033.851.442	10.849.773.234
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.059.760.377	19.690.742.353
- Chi phí bằng tiền khác	32.440.269.619	20.364.665.408
Cộng	119.874.651.463	78.204.266.705

44. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	13.592.884.353	7.539.274.229
- Chi phí vật liệu quản lý	461.804.316	364.397.152
- Chi phí đồ dùng văn phòng	322.833.070	164.583.852
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.662.126.362	2.786.621.077
- Chi phí dự phòng	6.919.251.152	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.625.853.403	4.883.511.209
- Chi phí bằng tiền khác	8.841.365.920	11.679.773.842
Cộng	45.426.118.576	27.418.161.361

45. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	8.700.000.000	36.363.636
- Thu tiền điện, nước khách thuê	-	225.000.000
- Phí tàu già, phí lưu tàu, thu hoàn phí BH	-	420.875.000
- Thu nhập khác	355.214.633	318.097.886
Cộng	9.055.214.633	1.000.336.522

46. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý TSCĐ	6.891.237.115	-
- Phí tàu già, phí lưu tàu	941.105.000	-
- Chi phí khác	204.044.820	300.566.584
Cộng	8.036.386.935	300.566.584

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

0384
ÔNG
KIỂM
IN T
CHI N
I THA
Ổ CH
TP

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

47. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.455.034.540
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	-
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	23.546.548.570
- Tổng thu nhập chịu thuế	51.908.485.970
Trong đó:	
+ Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-
+ Thu nhập từ hoạt động SXKD	51.908.485.970
- Thuế suất thuế TNDN	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.381.697.194

48. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Khoản thuế thu nhập hoãn lại xác định theo tỷ lệ 1% trên số tiền thu ứng trước theo tiến độ của khách hàng chuyển nhượng Bất động sản.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty con
- Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty con
- Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty con
- Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty liên doanh liên kết
- Công ty TNHH Hải Linh	Cổ đông
- Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S	Cổ đông

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)
6 tháng đầu năm 2018

Giao dịch với các bên liên quan:

Bên liên quan	Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	Công ty TNHH MTV Công trình Đô thị Bình Dương	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	Công ty CP Nông Lâm nghiệp Bình Dương	Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Công ty TNHH Hải Linh	Công ty CP Xăng dầu DV hàng hải S.T.S
Nợ phải thu khách hàng								
- Số đầu năm	4.757.991.297	186.389.217.376		-		3.506.332.000	170.132.785.901	255.526.683.342
- Tăng trong kỳ	20.105.320.541	412.215.892.770		72.651.530		51.576.919.000	2.433.238.616.266	391.166.110.135
- Giảm trong kỳ	15.221.182.228	293.953.882.244		61.634.830		55.131.365.000	1.578.809.083.524	139.643.795.258
- Số cuối kỳ	9.642.129.610	304.651.227.902	-	11.016.700	-	(48.114.000)	1.024.562.318.643	507.048.998.219
Cổ tức và tiền thu khác								
- Số đầu năm	2.730.987.953	2.352.429.659		345.285.000	9.172.427.607	37.887.121		
- Tăng trong kỳ	3.638.798.884	2.407.749.686				17.500.000.000		
- Giảm trong kỳ	6.369.786.837	4.760.179.345		345.285.000	-	17.500.000.000		
- Số cuối kỳ	-	-	-	-	9.172.427.607	37.887.121		
Nợ phải trả người bán								
- Số đầu năm	14.626.764.854	-	609.520.000	-				
- Tăng trong kỳ	44.157.946.896	254.724.144.346	-	155.610.181				
- Giảm trong kỳ	50.544.770.634	252.311.833.066	609.520.000	155.610.181				
- Số cuối kỳ	8.239.941.116	2.412.311.280	-	-	-	-		

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP

Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

6 tháng đầu năm 2018

Tiền lương của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ là: 1.260.000.000 Đồng.

2. Thông tin về cổ phần hoá

Tổng Công ty đã thực hiện thành công cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà Nước.

Từ ngày 01/01/2018, Tổng Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương. Kỳ kế toán này là kỳ kế toán đầu tiên của Tổng Công ty dưới hình thức Công ty cổ phần.

Thành phố Thủ Dầu Một, ngày 16 tháng 8 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Tiêu Thị Thúy An

Nguyễn Ngọc Quỳnh Giao

Đoàn Minh Quang

